

nâng cao chất lượng công tác thông tin để đáp ứng yêu cầu về tin ngày càng tăng của các đối tượng phục vụ đã nêu. Đối với từng loại đối tượng khác nhau, cần có những hình thức phục vụ thích hợp do các cơ quan thông tin tương ứng đảm nhiệm như đã nói ở trên. Đặc biệt, cần chú trọng đẩy mạnh công tác *thông tin kĩ thuật phục vụ sản xuất* vì đây là một công tác rất quan trọng, trực tiếp đóng góp vào công cuộc cách mạng kĩ thuật ở nước ta.

2. Tổ chức kho tư liệu và hệ thống tìm tin:

— Bước đầu xây dựng kho tư liệu khoa học và kĩ thuật trung ương ở Ủy ban Khoa học và Kĩ thuật Nhà nước, bao gồm các phiếu do các cơ quan thông tin khoa học, kĩ thuật nước ngoài biên soạn và ta chọn lọc theo những đề tài cần thiết. Việc tận dụng các tài liệu thông tin cấp 2 như vậy sẽ giúp ta tiết kiệm được thời gian và công lao động. Bên cạnh đó, kho tư liệu còn bao gồm những tài liệu xử lí từ những tài liệu gốc trong và nước ngoài, những thông báo, tham quan, khảo sát, những tư liệu kĩ thuật của các phái đoàn khoa học và kĩ thuật hoặc các nghiên cứu sinh, thực tập sinh của ta ở nước ngoài về.

— Bước đầu xây dựng hệ thống tra cứu và tìm tin thích hợp, trước mắt dùng hệ thống phiếu đục lỗ, tiến tới sử dụng những phương pháp và phương tiện hiện đại hơn.

3. Tổ chức xây dựng mạng lưới thông tin khoa học và kĩ thuật:

— Nghiên cứu và lập kế hoạch xây dựng mạng lưới thông tin khoa học, kĩ thuật cho toàn miền Bắc nước ta, đề ra những bước đi phù hợp và những biện pháp cụ thể để thực hiện.

— Tiến hành xây dựng Viện thông tin khoa học và kĩ thuật trung ương thuộc Ủy ban Khoa học và Kĩ thuật Nhà nước làm cơ quan trung tâm của toàn mạng lưới, đồng thời xây dựng một số trung tâm thông tin khoa học và kĩ thuật ngành, và triển khai công tác thông tin khoa học, kĩ thuật ở một số cơ sở sản xuất; bước đầu thực hiện phân công, phân nhiệm giữa các cơ quan thông tin hiện có và sắp xây dựng; qui định quan hệ giữa mạng lưới thông tin khoa học, kĩ thuật và mạng lưới thư viện khoa học và kĩ thuật.

— Tiến hành các công tác tổ chức, đào tạo cán bộ, xây dựng cơ sở vật chất, kĩ thuật, tổ chức bảo đảm nguồn tin và tiến hành hợp tác quốc tế.

Để thực hiện những nhiệm vụ và nội dung công tác nói trên, trong thời gian tới cần tiến hành những biện pháp lớn như sau:

1. Đào tạo cán bộ thông tin khoa học, kĩ thuật.

Như đã nói ở trên, thông tin khoa học đã trở thành một khoa học, có mục đích và phương pháp hoạt động và nghiên cứu riêng, vì vậy chúng ta cần đào tạo một đội ngũ cán bộ thông tin có đủ năng lực thực hiện tốt kế hoạch công tác. Cán bộ thông tin khoa học trước hết cần có trình độ khoa học, kĩ thuật; có kinh nghiệm và thực tế công tác khoa học, kĩ thuật các ngành; biết nhiều ngoại ngữ; và được bồi dưỡng thường xuyên về nghiệp vụ thông tin khoa học. Ngoài ra, công tác thực tế đòi hỏi cán bộ thông tin khoa học có trình độ tổng hợp những vấn đề lớn, có khả năng xử lí, chọn lọc những tư liệu thích hợp, biết phân tích những khía cạnh kinh tế—kĩ thuật, và nhạy cảm với những yêu cầu trước mắt và lâu dài của nền kinh tế quốc dân và của cuộc cách mạng kĩ thuật ở nước ta.

Tất nhiên, không phải một lúc chúng ta có đủ cán bộ có trình độ như vậy; đó là một phương hướng phấn đấu mà chúng ta cần kiên trì thực hiện từng bước.

Việc đào tạo và bồi dưỡng có thể tiến hành theo các hình thức như cử đi thực tập hoặc theo học các lớp bồi dưỡng tại các cơ quan thông tin ở các nước bạn; tổ chức các hội nghị, các lớp tại chức hoặc các lớp ngắn hạn về nghiệp vụ thông tin; tổ chức các lớp ngoại ngữ tập trung hay tại chức cho cán bộ thông tin. Mặt khác, để chuẩn bị cán bộ cho việc phát triển sau này, cần phải có kế hoạch đào tạo hoàn chỉnh như cử học sinh đi học dài hạn tại các trường về thông tin khoa học, kĩ thuật ở nước ngoài, đồng thời chuẩn bị điều kiện để tổ chức đào tạo trong nước.

2. Tổ chức nguồn tin.

Tài liệu là phương tiện làm việc không thể thiếu được của công tác thông tin, vì vậy chúng ta cần tổ chức tốt những nguồn tin và bảo đảm chúng hoạt động nhanh, rộng và liên tục. Tài liệu khoa học chúng ta hiện có trong tay còn quá ít, lại phân tán, việc phân phối và sử dụng còn nhiều điểm không hợp lí. Trong thời gian tới, cần cố gắng thu thập đầy đủ hơn nữa các tài liệu cấp 1 và cấp 2 của nước ngoài, các tài liệu khoa học, kĩ thuật trong nước, đồng thời tổ chức việc phân phối và khai thác các nguồn độ sao cho hợp lí nhất.

Đối với tài liệu cấp 1 (tài liệu gốc), gồm các loại sách, báo, tạp chí, tập san khoa học, kĩ thuật v.v... cần tăng cường cung cấp cho các thư viện khoa học, kĩ thuật trung ương và các ngành, các bộ; đồng thời cần qui định quan hệ giữa các thư viện với các cơ quan thông tin khoa học, kĩ thuật trong việc thu thập và sử dụng các nguồn tin đó. Ngoài ra, chúng ta cũng cần nghiên cứu biện pháp tổ chức để quản lí một cách hợp lí hơn nữa việc mua các sách, báo, tài liệu khoa học, kĩ thuật nước ngoài. Ngoài việc mua tài liệu, sách báo, ta cần tích cực tranh thủ con đường hợp tác quốc tế để tăng thêm nguồn tài liệu.

Đối với các tài liệu cấp 2 (tài liệu đã xử lí), bao gồm các tài liệu như tạp chí tóm tắt, các bài tổng luận, tin nhanh, thông báo thư mục, các phiếu in sẵn v.v..., cần tổ chức thu thập tương đối đầy đủ và có hệ thống, chủ yếu do Viện thông tin khoa học và kĩ thuật trung ương tiến hành, thông qua quan hệ hợp tác quốc tế với các viện thông tin các nước xã hội chủ nghĩa. Với những tài liệu đã xử lí đó, chúng ta chỉ cần sắp xếp có hệ thống và liên tục bổ sung, và như vậy sau nhiều năm, chúng ta sẽ có một kho tư liệu và tra cứu khá đầy đủ. Qua các hệ thống tra cứu đó, ta cũng có thể nhanh chóng có được các tài liệu gốc từ các cơ quan thông tin của các nước bạn.

3. Tổ chức xử lí tin, xây dựng các kho lưu trữ tư liệu và kho tra cứu.

Công tác xử lí tin là khâu quan trọng nhất trong quá trình sản xuất tin và đòi hỏi một trình độ nghiệp vụ cao. Như trên đã nói, do chưa làm tốt khâu này, hoặc nói đúng hơn là chỉ tiến hành ở mức xử lí đơn giản là dịch và trích dịch các tài liệu nước ngoài, nên nội dung các tài liệu thông tin của chúng ta còn nghèo nàn, thiếu tính hệ thống và vốn tư liệu của chúng ta chưa tổ chức được.

Trong công tác xử lí tin, ta có một thuận lợi cơ bản là có thể tận dụng những tài liệu đã xử lí của các cơ quan thông tin nước ngoài như trên đã nói, nhưng không phải vì vậy mà ta không tự tiến hành công việc đó, đặc biệt đối với các tài liệu gốc ta có sẵn trong tay, và nhất là đối với các tài liệu trong nước. Công tác xây dựng kho thông tin tra cứu trên cơ sở các tài liệu cấp 2 của nước ngoài, như trên đã nói, sẽ do Viện thông tin khoa học và kĩ thuật trung ương

phụ trách trước khi các trung tâm thông tin ngành có thể đảm nhiệm và tiếp tục bổ sung. Về công tác xử lí tin trong nước và xây dựng kho tra cứu tương ứng thì các cơ quan thông tin các ngành, các bộ thực hiện là chủ yếu. Tuy nhiên, Viện thông tin khoa học và kĩ thuật trung ương vẫn có nhiệm vụ chọn lọc những tin đó, xuất bản định kì để làm tài liệu phổ biến trong nước và trao đổi với nước ngoài.

Công tác xử lí một khối lượng tài liệu khá lớn đòi hỏi phải huy động các cơ quan thông tin, ngoài lực lượng cán bộ của mình, phải huy động khả năng của cán bộ khoa học, kĩ thuật ngành trong một mạng lưới cộng tác viên. Cần nghiên cứu và ban hành một chế độ đối với cộng tác viên thông tin khoa học, kĩ thuật để khuyến khích cán bộ tham gia.

Để bảo đảm công tác tra cứu tin, trước mắt cần nghiên cứu các hệ thống tìm tin thủ công và bán cơ giới thích hợp, và sẽ dần dần tiến tới nghiên cứu áp dụng các hệ thống tìm tin cơ giới hóa với những thiết bị hiện đại. Viện thông tin khoa học và kĩ thuật trung ương cần tiến hành công tác này trước để rút kinh nghiệm và đào tạo cán bộ nghiệp vụ cho các cơ quan thông tin các cấp.

4. Xây dựng cơ sở vật chất và phương tiện phổ biến tin.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế.

6. Xây dựng đề án « Hệ thống thông tin khoa học, kĩ thuật » toàn miền Bắc.

Trong công tác thông tin khoa học và kĩ thuật, chúng ta còn phải làm rất nhiều việc, còn phải khắc phục nhiều khó khăn. Với những phương châm và phương pháp đúng, được sự ủng hộ của lãnh đạo, sự quan tâm của các ngành, các cấp, với những cố gắng của mỗi người làm công tác thông tin khoa học và kĩ thuật, chúng ta quyết tâm làm tốt nhiệm vụ, phục vụ đắc lực hơn nữa cuộc cách mạng kĩ thuật ở nước ta.

« Đây là một vấn đề khó, nhưng chúng ta phải làm tốt và có khả năng làm tốt » như lời Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói trong Hội nghị thông tin khoa học và kĩ thuật toàn miền Bắc lần thứ nhất.

BÀN VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM TRONG CÔNG NGHIỆP

ĐOÀN ĐÌNH HÒE

Một điều không tốt tồn tại từ lâu trong quản lý kinh tế của chúng ta là nặng « chạy theo » số lượng mà coi rất nhẹ mặt chất lượng của sản phẩm. Điều đó phản ánh một quan niệm không đúng: quản lý kinh tế chỉ là quản lý tổng giá trị, tổng sản phẩm, tổng khối lượng lao động và vật tư v.v... có nghĩa là, chỉ quản lý về mặt số lượng. Trong các năm gần đây, khi vấn đề được đặt lại: nhấn mạnh sự coi trọng một cách căn bản vào chất lượng sản phẩm, thì quan niệm về chất lượng sản phẩm cũng lộ ra có những điểm khác nhau có hại. Những nhận thức khác nhau này, thật ra cũng có những hậu quả kinh tế — kỹ thuật tiêu cực không kém gì quan niệm quản lý kinh tế đơn thuần về mặt số lượng.

Mác đã chỉ ra rằng: khi nền sản xuất xã hội còn là nền sản xuất hàng hóa, thì một sản phẩm bao giờ cũng có hai giá trị: giá trị sử dụng và giá trị. Giá trị là một phạm trù lịch sử, nó chỉ tồn tại cùng với nền sản xuất hàng hóa. Sở dĩ như vậy là vì giá trị hình thành trên cơ sở sự so sánh thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra các sản phẩm để trao đổi, và là một qui ước thầm lặng của xã hội, trong xã hội có giai cấp, khối lượng của cái còn bị chế độ chiếm hữu tư nhân thống trị. Khi xã hội đã là cộng sản, của cải đã nhiều, giai cấp đã mất đi, sự so sánh nói trên không còn nữa, giá trị cũng bị xóa bỏ theo các giai cấp. Còn giá trị sử dụng là một phạm trù vĩnh viễn. Không phân biệt xã hội, xã hội nào cũng cần có những vật thể có công dụng, có ích. Và lại, khác với giá trị chỉ xuất hiện khi các vật thể đã thông qua lao động sản xuất, giá trị sử dụng của mỗi vật thể, ngược lại, đã có ngay trước khi

có quá trình lao động. Về vấn đề này, Mác cũng đã đưa ra nhiều ví dụ rất rõ ràng. Nhưng cũng không phải vì vậy mà không còn lầm lẫn. Xuất phát từ nhận thức rằng giá trị sử dụng là vĩnh viễn, có người tách nó với không gian và thời gian, cho rằng hai yếu tố này không có tác động gì đến giá trị sử dụng. Nói một cách khác, nó tách chất lượng sản phẩm ra khỏi giá trị sử dụng. Cũng vì vậy, ngay cả không gian và thời gian cũng bị tách khỏi chất lượng sản phẩm. Điều này rất nguy hiểm, không những nó thiếu quan điểm phát triển mà còn gây ra những mặt tiêu cực không lường được trong công cuộc quản lý chất lượng sản phẩm xã hội, mỗi khi nó đã trở thành tiềm thức. Thật vậy, Mác đã chỉ rõ: một vật thể nào đó có giá trị sử dụng, chính là vì nó có công dụng: có ích cho một mặt hoạt động nào đó của xã hội. Nhưng xét về mặt công dụng, thì một khi đã thông qua lao động, đã trở thành sản phẩm, nó đều mang hai trạng thái: trạng thái tự nhiên, và trạng thái biến thể. Con cá, tảng đá, nguyên tố hiđrô, v.v... đều có thể mang hai trạng thái đó. Con cá, tảng đá, hiđrô, v.v... nếu giữ nguyên hiện trạng tự nhiên, do cấu tạo nội tại của nó về mặt cơ, lí, hóa, vẫn có ích một cách tự nhiên và tổng quát. Nhưng cá, tảng đá, hiđrô, v.v... có thể trở thành cá xào, bàn đá, nước, v.v.. Do đó, nó đã từ chỗ có ích một cách tự nhiên và tổng quát, đã trở thành có ích một cách xã hội và cụ thể. Cũng từ những vật thể nói trên, chúng ta còn có thể có những vật thể đã biến dạng, có ích một cách xã hội và cụ thể khác. Đó là chúng ta chưa kể đến bao nhiêu yếu tố có thể tham gia vào việc làm biến dạng các vật thể nói trên: như phong

tục tập quán, trình độ tiến hóa, v.v... Như vậy là: chung quanh vấn đề giá trị sử dụng có nhiều vấn đề cần phải xem xét. Đối với bất cứ chế độ xã hội nào, giá trị sử dụng cũng vẫn là cần thiết. Vì vậy, xét về mặt phạm trù, giá trị sử dụng là phạm trù vĩnh viễn. Nhưng khi xét về việc mặt công dụng, có ích, thì một vật thể, một giá trị sử dụng nào đó, lại giữ hai trạng thái: tự nhiên và tổng quát, xã hội và cụ thể. Đó là giá trị sử dụng tự nhiên và giá trị sử dụng cụ thể. Giá trị sử dụng tự nhiên do cấu tạo tự nhiên mà có. Nó có ích một cách tổng quát. Giá trị sử dụng cụ thể do lao động cụ thể của xã hội mà có. Giá trị sử dụng tự nhiên mang tính chất cơ bản và tổng quát. Nó sẵn sàng chịu sự tác động biến dạng của xã hội, và nó chỉ biến dạng khi lao động cụ thể tác động đến. Trong mỗi một xã hội phát triển, có vô vàn kiểu lao động cụ thể, cho nên đối với một vật thể cũng có thể có vô vàn kiểu biến dạng để trở thành giá trị sử dụng cụ thể tương ứng với một loại nhu cầu nhất định, dù đó là loại nhu cầu nào. Nhưng lao động cụ thể là gì? Mác nói: « Con người không thể làm gì khác hơn là chinh phục tự nhiên vẫn làm, nghĩa là con người chỉ thay đổi hình thức của các vật chất mà thôi » (1). Mác cũng lại nói, khi bàn đến giá trị và giá trị sử dụng: « Sự vận động của sức lực này (bộ óc, bắp thịt, thần kinh và bàn tay con người—chủ thích của tác giả) chỉ thay đổi hình thái trong các loại hoạt động sản xuất khác nhau » (2). Lao động cụ thể chính là lao động để « thay đổi các hình thức của vật chất », và « chỉ thay đổi hình thái trong các hoạt động sản xuất khác nhau », đó là một loại lao động được định hướng, loại lao động kĩ thuật, không phân biệt là trình độ kĩ thuật đó cao hay thấp. Lao động cụ thể, Mác còn gọi là lao động có ích vì nó tạo ra giá trị sử dụng cụ thể, cái công dụng cụ thể, cái lợi ích cụ thể. Cái công dụng và có ích cụ thể đó, ngày nay ta gọi là chất lượng sản phẩm. Chính vì vậy, chất lượng sản phẩm là cái thước đo lao động cụ thể, giá trị sử dụng cụ thể. Lao động cụ thể càng cao và tinh vi, chất lượng sản phẩm càng cao, giá trị sử dụng càng cao. Ngược lại cũng vậy. Cũng phải vạch ra rằng: chất lượng sản phẩm cũng còn tùy thuộc ở giá trị sử dụng tự nhiên, khi cấu tạo tự nhiên của mỗi một vật thể càng thuần khiết. Như vậy, chất lượng sản phẩm là một đại lượng biến thiên theo trình độ của lao động cụ thể và của giá trị sử dụng tự nhiên của sản phẩm, chủ yếu là của lao động cụ thể. Giá trị sử dụng tự

nhiên, giá trị sử dụng cụ thể, lao động cụ thể và chất lượng sản phẩm đều là những đại lượng biến thiên theo thời gian và không gian. Một sản phẩm ra đời sau một thời gian, thế nào cũng bị hao mòn đi. Như Mác đã chỉ rõ: có hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình. Bất cứ là loại hao mòn nào, khi chất lượng sản phẩm đã bị hao mòn, thì giá trị sử dụng cũng bị hao mòn theo. Ngay lao động cụ thể cũng vậy. Xét về mặt phạm trù, nó là vĩnh viễn. Nhưng xét về mặt nó tạo ra công dụng cụ thể của vật thể, thì nó cũng bị hao mòn vô hình làm mất đi, qua từng giai đoạn phát triển của sức sản xuất và khoa học, kĩ thuật, xã hội. Ngay trong cùng một thế kỉ của các nước trên thế giới, giá trị sử dụng tự nhiên, giá trị sử dụng cụ thể, lao động cụ thể (kĩ thuật), chất lượng sản phẩm, cũng còn là những đại lượng tùy thuộc vào trình độ sức sản xuất xã hội, khoa học và kĩ thuật, phong tục, tập quán.

..

Từ những sự phân tích trên, một sản phẩm ra đời đều mang trong mình nó ba mối quan hệ: quan hệ giữa tự nhiên với tự nhiên, giữa người với tự nhiên, quan hệ giữa người với nhau (trong quá trình sản xuất). Xét chất lượng sản phẩm, chính là phải xét trên ba mặt này. Có như vậy chúng ta mới có thể định tính cũng như định lượng được về mặt chất lượng sản phẩm. Cũng cần nói rõ thêm: chất lượng không phải chỉ là vấn đề có tính chất kinh tế — xã hội, vì nếu như vậy thì xét cho đến cùng nó lại chỉ là vấn đề giá trị (trao đổi), vấn đề số lượng, chỉ phản ánh một mối quan hệ: quan hệ xã hội của sản xuất — điều đó hoàn toàn không đúng với thực tế.

Trên cơ sở ba mối quan hệ được phản ánh trong sản phẩm, chúng ta sẽ tìm ra các mối quan hệ định tính và định lượng nhằm phản ánh lên chất lượng của sản phẩm, và tìm ra phương pháp (có thể là khá đơn giản) để quản lí chất lượng đó.

a) Mối quan hệ nội tại giữa các vật thể tự nhiên với nhau:

Bất cứ là sản phẩm nào, nhìn vào chất lượng trước hết phải nhìn vào kết cấu — một đặc trưng cơ bản nhất của chất lượng sản phẩm. Kết cấu chính là sự hợp thành của nhiều vật thể khác nhau. Nó là nhân tố thứ

(1) Tư bản. Mác, Nhà xuất bản Sự thật, 1959, tiếng Việt trang 66.

(2) Sách đã dẫn, trang 67.

nhất quyết định trình độ của công dụng, của bền vững, vì nó dựa trên tính chất cơ bản của cơ, lí, hóa cho phép sự kết dính lâu dài. Trong thiên nhiên, không phải các vật thể bất kì nào ghép với nhau cũng cho kết cấu tốt (ví dụ: đá hoa cương với đất thịt). Cho nên, kết cấu của một sản phẩm thường phải là kết quả của sự phân tích, tính toán tỉ mỉ và với độ chính xác cao mà khả năng cho phép. Ngoài ra, trong mỗi một vật thể, còn có nhiều yếu tố khác biệt nhau tham gia: sự lẫn lộn của các tạp chất; sự phân cách giữa các phân tử; độ hồng có thể có trong quá trình chế tạo; độ rỗ mòn do tác động giữa các phân tử hợp thành hoặc ở ngoài vào; khối lượng, thể tích, độ dài của sản phẩm. Kết cấu hợp thành của các vật thể tạo nên chất lượng cơ bản của sản phẩm. Nhưng đó chỉ mới xác định một cách đơn độc về định tính. Những yếu tố: tạp chất, rỗ mòn, độ hồng, v.v... mới chính thức là các yếu tố cho phép chúng ta đi vào định lượng, nhưng đồng thời lại là cơ sở rõ ràng của định tính. Ở đây, số lượng và chất lượng kết hợp nhuần nhuyễn để tạo thành chất lượng sản phẩm, nâng cao không ngừng công dụng của bản thân sản phẩm. Thông thường, các mối quan hệ này được biểu thị bằng những thông số. Chúng ta có thể có:

- Thông số về kết cấu;
- Thông số về tạp chất (có thể gọi là thuần khiết);
- Thông số về độ hồng giữa các phân tử;
- Thông số về độ rỗ mòn;
- Thông số về ép sít (kết dính);
- Thông số về thể tích;
- Thông số về khối lượng;
- Thông số về độ dài;
- Thông số về hao mòn vật chất do ma sát, đè nén tự nhiên.

Tất cả những thông số đó đều thông qua con người sau những quá trình nghiên cứu, tính toán mà có. Những số tính toán đầu tiên, kĩ càng thường dùng làm con số gốc, con số chuẩn. Mặc dù phải kinh qua tính toán của con người, nhưng nó vẫn là những số rút ra từ những mối quan hệ nội tại của các thể tự nhiên với nhau; cho nên chúng ta gọi là thông số tự nhiên — kĩ thuật. Mục đích chính của chúng chính nhằm làm cho quan hệ nội tại của các thể tự nhiên đó bền vững, cân đối, kết hợp chặt chẽ, phù hợp cao với công dụng mà xã hội yêu cầu đối với sản phẩm.

b) *Mối quan hệ giữa người và các vật thể tự nhiên trong quá trình sản xuất:*

Nếu chúng ta đồng tình với Đacuyn rằng có kĩ thuật học tự nhiên (technologie naturelle) thì cũng có kĩ thuật học xã hội. Kĩ thuật học xã hội chính là sự biến đổi các vật thể tự nhiên thành giá trị sử dụng, nói cách khác, là thông qua lao động cụ thể, lao động kĩ thuật. Mặc dù các thông số nói trên bảo đảm chất lượng của sản phẩm, nhưng chính ngược lại, tài nghệ của con người mới bảo đảm cho nó làm được đầy đủ chức năng chính của mình. Tài nghệ này được biểu thị bằng trình độ tổ chức sự tiếp xúc của hệ thống vật chất với nhau; trình độ sử dụng các phương tiện máy móc; trình độ phán đoán và xử lí; mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu; trình độ hao mòn sử dụng; trình độ duy trì bảo quản; trình độ kiến thức tổng hợp. Với các yếu tố của con người như vậy, hình như nó chỉ là vấn đề định tính. Có nơi còn gọi là thông số. Nhưng với những phương pháp nhất định, nó vẫn trở thành định lượng được, mặc dù các yếu tố này hầu như chỉ phản ánh sự thông minh, mức thuần thục của con người. Nhưng chúng ta cũng phải thấy rằng: cho đến hiện nay, định tính, nhất là định tính một cách xã hội nhằm trao đổi, không bao giờ thoát khỏi việc định lượng. Tất cả các yếu tố này đều được biểu thị bằng những thông số. Chúng ta có thể có:

- Thông số về tổ chức vật chất;
- Thông số sử dụng;
- Thông số về phán đoán xử lí;
- Thông số về tiêu hao nguyên, nhiên liệu;
- Thông số về trình độ hao mòn sử dụng;
- Thông số về trình độ duy trì, bảo quản;
- Thông số về trình độ kiến thức tổng hợp.

Các thông số này nhằm làm cho sản phẩm hình thành đạt được mức công dụng yêu cầu — một khi các thông số tự nhiên — kĩ thuật đã được bảo đảm. Nếu các thông số tự nhiên — kĩ thuật là một loại mô hình của sản phẩm về chất lượng, thì các thông số này, thông qua bàn tay của lao động, trở thành hiện thực xã hội của chất lượng sản phẩm. Cũng vì vậy mà chúng ta gọi nó là những thông số kinh tế — kĩ thuật.

c) *Mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất và tiêu thụ.*

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, mặc dù qui luật giá trị không còn phát huy tác dụng của nó như dưới xã hội tư bản chủ nghĩa, nhưng vì nền sản xuất còn là hàng hóa, cho nên việc tính toán thời gian lao động xã hội của một sản phẩm, việc tính toán tiêu phí sức lao động nói chung của toàn xã hội trong sản xuất còn cần thiết, cho nên rất nhiều yếu tố

về mặt này trở thành yếu tố tham gia cấu thành chất lượng sản phẩm. Mặt khác, khi chúng ta đi khá xa trong chất lượng sản phẩm về mặt tự nhiên, trong khi chi phí sản xuất quá lớn, thì sản phẩm hàng hóa dễ bị ứ đọng. Đó là một hiện tượng chất lượng sản phẩm thấp về mặt xã hội. Ngoài ra, chúng ta phải tính đến chất lượng sản phẩm về mặt xã hội, còn là vấn đề khâu vị của từng dân tộc v.v... Cho nên, chất lượng sản phẩm về mặt xã hội đều do các yếu tố : tổ chức liên hiệp sản xuất, giá trị chi phí sản xuất, giá cả, tổ chức phân phối, và trình độ kĩ thuật đạt được của bản thân sản phẩm. Do đó nó có những thông số sau đây :

- Thông số về tổ chức xã hội trong sản xuất ;
- Thông số về giá trị ;
- Thông số về chi phí sản xuất ;
- Thông số về giá cả ;
- Thông số về phân phối ;
- Thông số về kĩ thuật.

Tất cả các thông số này gắn chặt các tập đoàn người với nhau trong quá trình sản xuất và phân phối ; đưa chất lượng sản phẩm đạt trình độ cao về mặt công dụng cũng như về mặt kinh tế xã hội. Nó phản ánh chủ yếu các mối quan hệ giữa con người với nhau về mặt kinh tế. Vì vậy, nó chính là những thông số kinh tế — xã hội...

Như vậy, trong ba hệ thống thông số nói trên, hai hệ thống thứ nhất và thứ hai thuộc phạm trù vĩnh viễn : giá trị sử dụng ; hệ thống thứ ba thuộc phạm trù lịch sử : giá trị.

Căn cứ vào đặc điểm tài nguyên, cơ sở vật chất kĩ thuật, tình hình kinh tế và khoa học, kĩ thuật, mà mỗi một nước đều có những hệ thống thông số riêng của mình. Ở nước ta, chúng ta cũng có thể xây dựng được một phương pháp nhất định, để có những hệ thống thông số nhất định.

1. Hệ thống thông số tự nhiên—kĩ thuật :

— Thông số kết cấu :

Giả định chỉ số kết cấu cơ bản của các thể vật chất hợp thành là 100, theo tính toán. Giả định rằng : vì thiếu vật liệu lí tưởng tính toán, phải dùng vật liệu thay thế, chỉ số kết cấu thực tế chỉ đạt : 75. Thông số kết cấu cụ thể là 75%.

— Thông số về độ thuần khiết :

Giả thuyết chỉ số thuần khiết là 100. Nhưng thực có 2 là tạp chất. Thông số về độ thuần khiết là 98%.

— Thông số độ hồng giữa các phân tử :

Giả thuyết chỉ số 100 là không có độ hồng. Nhưng độ hồng đạt 3. Vậy thông số độ hồng sẽ là 97%.

— Thông số độ rỗ mòn :

Chỉ số tuyệt đối không có độ rỗ mòn là 100. Độ rỗ mòn đo được là 2. Thông số cụ thể là 98%.

— Thông số ép sít :

Giả thiết cho số ép sít hoàn toàn là 100, số đo độ lỏng lẻo thực tế là 1, thông số ép sít cụ thể là 99%.

— Thông số thể tích :

Giả thuyết thể tích tính toán là 100, thể tích đo cụ thể là 102, hoặc 98. Thông số thể tích sẽ là 98%.

— Thông số khối lượng :

Giả thuyết chỉ số khối lượng là 100. Số đo cụ thể là 101 hoặc 99, thông số cụ thể là 99%.

— Thông số về độ dài :

Giả thuyết chỉ số là 100. Số đo thực tế là 103 hoặc 97. Thông số cụ thể là 97%.

— Thông số về hình thù :

Giả thiết chỉ số là 100. Số đo thực tế là 101, hoặc 99, thông số sẽ là 99%.

Vì những lí do tự nhiên, số đo thực tế của các yếu tố kết cấu, tạp chất, độ hồng, độ rỗ mòn, độ ép sít không bao giờ đạt đến 100, cho nên thường là dưới 100 trong thực tế. Đối với các yếu tố : thể tích, khối lượng, độ dài, hình thù, số đo thực tế có thể trên, bằng hoặc dưới 100. Nhưng chất lượng là một vấn đề tổng hợp hình thành, nó chỉ có thể thực hiện được một cách đúng đắn bằng tích các thông số tự nhiên—kĩ thuật. Ta có :

$$P_1 = \frac{75}{100} \times \frac{98}{100} \times \frac{97}{100} \times \frac{98}{100} \times \frac{99}{100} \times \frac{98}{100} \times \frac{99}{100} \times \frac{97}{100} \times \frac{99}{100}$$

Nếu các thông số riêng lẻ được tượng trưng bằng một chữ p , ta có $p_1, p_2, \dots, p_n$.

Và
$$P_1 = p_1 \times p_2 \times \dots \times p_n$$

2. Hệ thống thông số kinh tế — kĩ thuật.

— Thông số về tổ chức vật chất :

Liên hệ vật chất chặt chẽ và hợp lí là một điều kiện để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, bảo đảm người sản xuất hoạt động tốt (ví dụ tổ chức các hệ thống: phát lực, chuyển lực, công tác ; tổ chức các công đoạn của sản phẩm v.v...). Thông thường thông số này là thông số chung của một nhà máy. Giả thuyết độ lí tưởng về tổ chức là 100 theo tính toán.